

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 14/3/2019

“V/v Tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**.
2. Ông **Trương Hoàng Diệu**.

Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2018/TLST – DS ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ngô V Th** - sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Th Ch** - sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê V Ph** - sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà **Nguyễn Thị B** - sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Th, bà B có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Th trình bày và yêu cầu: Ông Th xác định bà Ch có tham gia chơi hội do ông Th làm chủ gồm 07 phần hội, do lâu quá nên ông Th không nhớ cụ thể về giao dịch hội, nhưng ông nhớ bà Ch có trả tiền lãi cho ông được vài tháng tiền chậm đóng hội chết trước khi mãn hội. Khi hội mãn bà Ch và ông Ph không trả tiền hội, nên vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch ông Th và bà Ch có chốt nợ hội lại thì bà Ch còn nợ vợ chồng ông Th và bà B số tiền nợ hội của các phần hội là 52.100.000đ. Lúc chốt nợ hội các bên thỏa thuận bà Ch phải trả lãi cho ông Th với mức lãi suất là 7%/tháng, nhưng từ ngày chốt nợ đến nay bà Ch không trả được cho ông Th số tiền nợ gốc và tiền lãi nào cả. Nay ông Th yêu cầu bà Ch và chồng bà Ch là ông Lê V Ph cùng có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà B số tiền nợ hội là 52.100.000đ và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 52.100.000đ kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

* Bị đơn bà Nguyễn Th Ch trình bày: Bà Ch thừa nhận bà có tham gia chơi hội do ông Th làm chủ, do lâu quá bà Ch không nhớ cụ thể của việc chơi hội như thế nào, nhưng bà nhớ là vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch bà Ch và ông Th có chốt nợ hội thì bà còn nợ ông Th số tiền 52.100.000đ. Việc chơi hội này là do bà Ch và chồng bà Ch là ông Lê V Ph cùng tham gia. Bà Ch chỉ đồng ý trả cho ông Th số tiền 52.100.000đ, không đồng ý trả tiền lãi vì trước khi chốt nợ bà Ch đã đóng tiền lãi cho ông Th nhiều lần với rất nhiều tiền với mức lãi suất là 7%/tháng, nhưng không nhớ cụ thể đóng mấy lần với số tiền đóng bao nhiêu, bà Ch không yêu cầu tính lại lãi suất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà B thống nhất việc ông Th khởi kiện yêu cầu bà Ch và ông Ph trả số tiền nợ hội là 52.100.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê V Ph trình bày: Ông Ph thừa nhận ông và bà Ch có tham gia chơi hội do ông Th làm chủ hội, ông không nhớ rõ cụ thể việc chơi hội như thế nào, nhưng ông thừa nhận vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch ông Th và bà Ch có chốt nợ hội thì vợ chồng ông Ph nợ ông Th 52.100.000đ, nay ông chỉ đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Th giữ nguyên ý kiến trình bày ban đầu và xác định trong khi chơi hội thì bà Ch đã hót hết 07 phần hội, sau khi hót hội xong thì ông Ph và bà Ch không đóng hội chết, nên mỗi kỳ hội ông Th đều dùng tiền là tài sản chung của ông và bà B để đóng nợ thay vợ chồng bà Ch cho đến mãn hội. Khi mãn hội do bà

Ch và ông Ph không trả ngay toàn bộ tiền nợ hui, nên ông Th và bà Ch có làm biên bản chốt nợ thể hiện khi mãn hui vợ chồng bà Ch nợ ông Th tiền 52.100.000đ vào ngày 25 tháng 11 năm 2016, ngoài ra còn thỏa thuận miệng với nhau là khi nào bà Ch có tiền thì trả nhưng hàng tháng phải đóng tiền lãi với mức lãi suất 7%/tháng. Kể từ ngày chốt nợ đến nay vợ chồng bà Ch không trả cho ông Th được khoảng tiền nợ gốc và tiền lãi nào, nên ông Th khởi kiện yêu cầu bà Ch và ông Ph trả cho ông Th và bà B số tiền 52.100.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 52.100.000đ kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Bà B thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Th.

- Đương sự vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với các ý kiến trước đây đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông Th và bà B tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng bà Ch và ông Ph vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc bà Ch và ông Ph trả cho ông Th và bà B số tiền nợ hui là 52.100.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/11/2016 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.530.000đ.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Bà Ch và ông Ph có tham gia chơi hui do ông Th làm chủ hui. Sau khi mãn hui ông Ph và bà Ch không có khả năng trả nợ hui mà ông Th đã dùng tài sản của vợ chồng ông Th đóng hui thay cho vợ chồng bà Ch, nên ông Th và bà Ch đã lập biên bản chốt nợ hui vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch thể hiện bà Ch nợ ông Th số tiền nợ hui là 52.100.000đ.

- Ông Th xác định khi chốt nợ thì các bên thỏa thuận miệng là vợ chồng bà Ch phải trả tiền lãi cho ông Th hàng tháng với mức lãi suất 7%/tháng đến khi trả xong nợ. Bà Ch xác định chỉ có chốt nợ chứ không có thỏa thuận về tiền lãi như ông Th trình bày.

- Ông Th xác định trước khi mãn hui bà Ch có trả tiền lãi đối với việc ông Th đóng hui thay bà Ch được vài tháng, nhưng ông không nhớ mấy tháng và không nhớ số tiền lãi bà Ch đã trả là bao nhiêu; Bà Ch xác định bà có trả tiền lãi

cho ông Th nhưng không nhớ trả vào thời gian nào, không nhớ số tiền trả là bao nhiêu. Các đương sự không yêu cầu tính lại lãi suất.

- Sau ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch bà Ch và ông Ph không có trả cho ông Th và bà B được số tiền nào cả.

- Ông Th yêu cầu bà Ch và chồng bà Ch là ông Lê V Ph cùng có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà B số tiền nợ hui là 52.100.000đ và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 52.100.000đ kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án. Bà Ch và ông Ph chỉ đồng ý trả số tiền 52.100.000đ, không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ông Th khởi kiện yêu cầu bà Ch trả tiền nợ hui, được Tòa án nhân dân huyện Ph Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Ch và ông Ph đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Ch và ông Ph theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngô V Th:

- Về số tiền nợ hui: Ông Th và bà Ch trình bày thống nhất vợ chồng bà Ch tham gia chơi hui do ông Th làm chủ, hốt hui xong nhưng không đóng hui chết mà do vợ chồng ông Th đóng hui thay vợ chồng bà Ch vào mỗi kỳ mở hui, đến mãn các dây hui bà Ch và ông Ph không có tiền trả cho vợ chồng ông Th, nên bà Ch và ông Th đã làm biên bản chốt nợ hui vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch thể hiện vợ chồng bà Ch nợ vợ chồng ông Th tiền hui chết là 52.100.000đ. Sự thừa nhận của các đương sự về số tiền nợ hui được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu tính lãi suất: Do bà Ch và ông Ph vi phạm nghĩa vụ đóng hui chết theo từng kỳ mở hui, ông Th là chủ hui đã dùng tiền là tài sản chung của ông và bà B để đóng hui thay ông Ph và bà Ch với tổng số tiền 52.100.000đ, nên việc ông Th yêu cầu bà Ch và ông Ph trả tiền lãi đối với số tiền 52.100.000đ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ và theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm (0,833%/tháng).

- Về mức lãi suất áp dụng: Ông Th thì xác định khi chốt nợ hui ông và bà Ch có thỏa thuận mức lãi suất bà Ch phải trả cho ông Th hàng tháng là 7%/tháng, còn bà Ch thì xác định không có thỏa thuận lãi suất và hiện tại các bên còn tranh

chấp về lãi suất, nên mức lãi được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về thời gian tính tiền lãi: Do bà Ch không xác định được thời gian mãn hạn, còn ông Th thì xác định ngay sau khi mãn hạn thì các bên lập biên bản chốt nợ hạn, nên thời gian tính tiền lãi được xác định từ ngày chốt nợ hạn là ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch (nhằm ngày 23 tháng 12 năm 2016 dương lịch) tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 14 tháng 3 năm 2019 là 26 tháng 17 ngày, tiền lãi được tính là: $(52.100.000đ \times 0,833\%/tháng) \times 26 tháng 17 ngày = 11.530.000đ$.

- Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngô V Th, buộc bà Nguyễn Th Ch và ông Lê V Ph có nghĩa vụ trả tiền nợ hạn cho ông Ngô V Th và bà Nguyễn Thị B là 52.100.000đ và tiền lãi từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 âm lịch (nhằm ngày 23 tháng 12 năm 2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.530.000đ. Ngoài ra ông Ph và bà Ch còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do ông Th được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, nên ông Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc ông Ph và bà Ch phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 3.181.500đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô V Th, buộc bà Nguyễn Th Ch và ông Lê V Ph trả cho ông Ngô V Th và bà Nguyễn Thị B số tiền nợ hụi 52.100.000 đồng và tiền lãi đến ngày 14 tháng 3 năm 2019 là 11.530.000 đồng.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Th không phải chịu án phí và ông Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp là 1.302.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph Long theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014273 ngày 30 tháng 11 năm 2018.

- Buộc bà Nguyễn Th Ch và ông Lê V Ph phải chịu án phí với số tiền là 3.181.500 đồng.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang